

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGŨ VĂN 6 KÌ 1

I. PHẦN VĂN BẢN

1. Nội dung các văn bản đã học.

stt	Văn bản	Thể loại	Nghệ thuật	Nội dung
1	Thánh Gióng	Truyện thuyết	- Xây dựng người anh hùng cứu nước trong truyện mang màu sắc thần kì, với chi tiết nghệ thuật kì ảo phi thường.	Thể hiện ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước, quan niệm và ước mơ của nhân dân ta về người anh hùng cứu nước chống ngoại xâm
2	Sơn Tinh, Thủy Tinh	Truyện thuyết	- Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo. - Tạo sự việc hấp dẫn.	Giải thích hiện tượng lũ lụt và sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, suy tôn ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.
3	Thạch Sanh	Cổ tích	- Sắp xếp các chi tiết tự nhiên, khéo léo. - Sử dụng những chi tiết thần kì.	Truyện cổ tích về <b>người dũng sĩ</b> vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa và chống quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ và niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta
4	Em bé thông minh	Cổ tích	- Dùng câu đố thử tài-tạo ra tình huống thử thách để nhân vật bộc lộ tài năng, phẩm chất. - Cách dẫn dắt sự việc cùng với mức độ tăng dần của những câu đố và cách giải đố tạo tiếng cười hài hước.	Truyện cổ tích về <b>nhân vật thông minh</b> . Truyện đề cao sự thông minh và trí khôn dân gian.
5	Ếch ngồi đáy giếng	Ngụ ngôn	- Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống. - Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn đặc sắc tự nhiên. - Cách kể bất ngờ hài hước kín đáo.	Phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang, khuyên nhủ người ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan kiêu ngạo.
6	Thầy bói xem voi	Ngụ ngôn	- Dùng đối thoại, tạo nên tiếng cười hài hước kín đáo. - Lặp lại các sự việc. - Nghệ thuật phóng đại.	Chế giễu và phê phán cách xem và phán về voi của năm ông thầy bói. Khuyên chúng ta: muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chúng một cách toàn diện.
7	Treo biển	Truyện cười	- Xây dựng tình huống cực đoan, vô lý và cách giải quyết một chiều không suy nghĩ đắn đo của chủ nhà hàng. - Sử dụng yếu tố gây cười.	Truyện tạo tiếng cười hài hước, vui vẻ, phê phán những người hành động thiếu chủ kiến và nêu lên bài học về sự cần thiết phải biết tiếp thu có chọn lọc ý kiến của người khác.
8	Thầy thuốc	Truyện trung	- tạo tình huống truyện gay cấn. - Tạo nên các sự kiện có ý nghĩa so	Ca ngợi phẩm chất cao quý của vị thái y lệnh: không chỉ có tài chữa

giỏi cốt nhất ở tâm lòng	đại	sánh, đối chiếu. - Xây dựng đối thoại sắc sảo có tác dụng làm sáng lên chủ đề truyện.	bệnh mà quan trọng hơn là có lòng thương yêu và quyết tâm cứu sống người bệnh tới mức không sợ quyền uy, không sợ mang vạ vào thân.
--------------------------	-----	--	---

## 2. Điểm giống và khác nhau giữa các thể loại truyện đã học

### a. Truyện truyền thuyết và truyện cổ tích

+ Giống nhau:

- Đều có yếu tố tưởng tượng, kì ảo
- Mô-típ xây dựng nhân vật: sự ra đời kì lạ, có tài năng kì lạ

+ Khác nhau:

#### Truyện truyền thuyết:

- Kể về các nhân vật, sự kiện có liên quan đến lịch sử
- Thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân

#### Truyện cổ tích:

- Kể về cuộc đời một số kiểu nhân vật nhất định
- Thể hiện niềm tin, ước mơ của nhân dân vào công lí xã hội

### b. Truyện ngụ ngôn và truyện cười

+ Giống nhau: đều có yếu tố gây cười

+ Khác nhau:

<b>Truyện ngụ ngôn:</b> - Mượn chuyện loài vật, đồ vật để nói về con người; khuyên nhủ bài học nào đó	<b>Truyện cười:</b> - Kể về những hiện tượng đáng cười nhằm phê phán, mua vui
--	--

## II. PHẦN TIẾNG VIỆT

ST T	Tên bài	Khái niệm/ Đặc điểm	Ví dụ
1	Từ và cấu tạo từ Tiếng Việt	- Từ là đơn vị nhỏ nhất để cấu tạo câu. + Từ đơn: Gồm một tiếng + Từ phức: Gồm hai hay hơn 2 tiếng	- Từ đơn: ví dụ : bà, ông, bút, thước, bàn, ghế, áo, ăn, ngủ, đi, bố, cây..... - Từ phức: + <b>Từ ghép</b> : Gồm hai hoặc nhiều tiếng: <i>nguồn gốc, học hành, chăm chỉ, âm nhạc, cần cù, siêng năng, quần áo...</i> + <b>Từ láy</b> : Những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng gọi là từ láy : <i>xanh xanh, mệnh mệnh, lú lú, lung linh, thăm thăm, xa xa, tím tím...</i>
2	Nghĩa của từ:	k/n: Nghĩa của từ là nội dung ( sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ) mà từ biểu thị  Có hai cách giải thích nghĩa của từ - Trình bày khái niệm mà từ biểu thị - Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích	<i>Ví dụ: Từ đơn là từ gồm có một tiếng. Là đơn vị nhỏ nhất để cấu tạo nên câu.</i> <b>Đoạn văn trên giải thích nghĩa của từ bằng cách nào?</b> → Đoạn văn giải thích nghĩa của từ bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị.
3	Từ mượn:	- Là những từ được mượn từ	<b>VD:</b>

		các ngôn ngữ của những đất nước khác - Từ mượn gốc Hán là quan trọng nhất.	- tráng sĩ, gia nhân, giang sơn, sinh lễ → mượn tiếng Hán - in-tơ-net, ra-đi-ô, ti vi, điện → mượn ngôn ngữ gốc Ấn -Âu
5	Danh từ:	Là những từ để chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm...	<u>Ví dụ:</u> Ông, bà, hoa hồng, đồi, sông, hồ, bàn, ghế, lúa, ngô...
6	Cụm danh từ	Là tổ hợp từ gồm danh từ và các từ ngữ phụ thuộc khác tạo thành.	<u>VD:</u> <u>moät</u> <u>túp lều</u> <u>nát trên bờ biển</u> PNT DT PNS - Ba con trâu ấy.
7	Động từ	là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật. - Động từ thường kết hợp với các từ <u>đã</u> ; <u>sẽ</u> ; <u>đang</u> ; <u>cũng</u> ; <u>vẫn</u> ; <u>hãy</u> ; <u>chớ</u> ; <u>đừng</u> ,... để tạo thành cụm động từ. - chức vụ điển hình trong câu của động từ là vị ngữ.	<u>VD:</u> Đi, chạy, đọc, làm, đá, hát, yêu, thương, buồn, vui, gãy, đổ...
8	Cụm động từ	Là tổ hợp từ gồm động từ và các từ ngữ phụ thuộc khác tạo thành.	<u>VD:</u> Bọn trẻ <u>đang</u> <u>nhảy</u> <u>dây</u> <u>ngoài</u> <u>sân</u> Cụm động từ <u>đang</u> <u>nhảy</u> <u>dây</u> <u>ngoài</u> <u>sân</u> PNT ĐT PNS
9	Tính từ	Là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật	<u>VD:</u> thông minh, chăm chỉ, trẻ, già, đẹp, xấu, dài, ngắn, cao, thấp, nhanh, chậm.....
10	Cụm tính từ:	Là tổ hợp từ gồm tính từ và các từ ngữ phụ thuộc khác tạo thành.	<u>VD:</u> Ngoài trời mưa <u>rất to</u> Cụm tính từ
11	Số từ và lượng từ	- Số từ : số từ chỉ số lượng và số từ chỉ số thứ tự  - Lượng từ : chỉ lượng ít hay lượng nhiều + Vd: <u>tất cả</u> học sinh trường Liêng Trang đang lao động LT	+ Vd: <u>Một</u> chú chim đang hót trên cành Số từ chỉ số lượng Bạn Lan đứng hàng <u>thứ ba</u> (Số từ chỉ số thứ tự) + Vd: <u>tất cả</u> học sinh trường Liêng Trang đang lao động LT
12	Chỉ từ	Là từ dùng để trỏ vào sự vật nhằm xác định sự vật trong không gian, thời gian.	- <u>Thế</u> là nhà hàng cất nôt tắm biển. ( <u>Thế</u> là chỉ từ, làm chức năng chủ ngữ trong câu. - Ba con trâu <u>ấy</u> . - Từ <u>đó</u> , hàng năm Thủy Tinh vẫn dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều bị thua

**Bài tập 1:** *Viết một đoạn văn ngắn khoảng 3 đến 5 câu trong đó sử dụng từ láy.*

Gợi ý: Thút thít ( tiếng khóc)

- Lênh khênh, lom khom ( dáng điệu)
- Khanh khách, ha hả ( tiếng cười )

**VD:** Tả lại một em bé, chú ý dùng từ láy khi tả tiếng cười

**Bài tập 2:** - Đặt một câu có danh từ chỉ đồ vật?

Ví dụ: Đầu năm học mới, mẹ mua cho em chiếc cặp rất đẹp

**Bài tập 3:**

Thêm thành phần phụ trước hoặc sau vào danh từ sau để tạo thành cụm danh từ?

- Sông : ... dòng **sông** sâu...  
.....dòng **sông** ấy....
- Học sinh: ...ba **học sinh** đang chơi  
một **học sinh** giỏi

**Bài tập 4:** + Đặt một câu có động từ

VD: Em thích đọc sách

**Bài tập 5:** + **Đọc câu văn:** “Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi”. **Gạch chân các cụm động từ trong câu văn trên.**

- Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi”.
- Cho các động từ sau, hãy phát triển thành những cụm động từ: *hát, buồn, đi, học, bơi*

VD: đang hát rất hay

PT PTT PS

**Bài tập 6:** *Xác định tính từ trong câu sau: “Bạn Lan là người nhanh nhẹn, còn bạn Huệ thì chậm chạp, đã vậy lại lười biếng trong học tập”.*

**Bài tập 7:** **Tìm số từ và lượng từ trong các ví dụ sau:**

- Con đi trăm núi ngàn khe  
Chưa bằng muôn nổi tái tê lòng bầm
- Mười ba bà mẹ đang hóa giải lời nguyên
- Bạn Nam xếp hạng nhì trong kì thi học sinh giỏi

- **Đáp án**

- Số từ: mười ba, hạng nhì
- Lượng từ : ngàn, trăm, muôn

**Bài tập 8:** **Xác định chỉ từ trong các ví dụ và nêu hoạt động của chỉ từ trong câu:**

- Từ đó, hàng năm Thủy Tinh vẫn dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều bị thua
- Ngôi nhà ấy trông thật đẹp
- Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta nhất định thắng lợi  
-Đó là một điều chắc chắn

- **Đáp án**

- đó -> trạng ngữ
- ấy -> phụ ngữ
- đó -> chủ ngữ

### III. PHẦN TẬP LÀM VĂN

**Đề 1:** **Đóng vai nhân vật Sơn Tinh để kể lại câu chuyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”**

- Gợi ý: Sơn Tinh → tôi

+ Mở bài: Hùng Vương thứ mười tám có cô gái đẹp tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha muốn kén cho con gái mình một người chồng thật xứng đáng.

+ Thân bài: Nghe được tin vua Hùng kén rể cả hai chúng tôi là Sơn Tinh và Thủy Tinh đều đến cầu hôn.

- Tôi tên là Sơn Tinh người ở vùng núi Tản Viên có tài: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.
  - Người cùng đến với tôi ngay lúc đó là Thủy Tinh cũng có tài lạ: gọi gió, gió tới; hô mưa, mưa về.
  - Cả hai chúng tôi đều có tài ngang nhau vua Hùng không biết chọn ai. Sau một lúc bàn bạc với các lạc hầu vua đã ra điều kiện sinh lễ là: Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng; Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao mỗi thứ một đôi. Sáng sớm ai đem sinh lễ đến trước thì lấy được con gái của Hùng Vương.
  - Điều kiện sinh lễ dễ dàng tìm thấy nơi tôi sinh sống. Sáng hôm sau tôi đem lễ vật đến trước và rước vợ về núi. Chàng Thủy Tinh đến sau không lấy được Mị Nương nên đã vô cùng giận dữ.
  - Thủy Tinh nổi giận dâng nước đánh chúng tôi ròng rã mấy tháng trời. Nhưng cuối cùng thất bại đành rút quân.
- + Kết bài: Từ đó oán nặng thù sâu hàng năm Thủy Tinh đều làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh tôi. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỗi một, chấn chề vẫn không thắng nổi tôi Thần Núi, đành rút quân về.

## **Đề 2: Kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em?**

**Gợi ý:** Lời kể tự nhiên không phụ thuộc vào sách giáo khoa.

- + Mở bài: Giới thiệu về sự ra đời của Gióng.
- + Thân bài: Lần lượt kể các sự việc:
  - Giặc tới xâm lược vua cho sứ giả đi tìm người tài giỏi.
  - Gióng cất tiếng nói đầu tiên: chuẩn bị những đồ dùng thiết yếu để đánh giặc.
  - Từ ngày gặp sứ giả Gióng lớn nhanh như thổi. Bố mẹ Gióng không đủ nuôi con nên bà con hàng xóm đã giúp cơm gạo nuôi Gióng.
  - Giặc Ân đã tới chân núi Trâu, người người hoảng hốt.
  - Gióng đã ra trận giết giặc, giặc chết như rạ. Thắng giặc Gióng một mình một ngựa bay về trời.
- + Kết bài: Vua nhớ công ơn phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ở quê nhà.

## **Đề 2: Em hãy kể về thầy (cô) giáo mà em yêu mến?**

- + Mở bài: Giới thiệu chung về thầy (cô) giáo mà em kể.
- Thầy cô đó đã dạy em ở lớp nào?
- + Thân bài: Lần lượt kể về thầy cô giáo đó về:
  - Ngoại hình bên ngoài: dáng người; khuôn mặt, mái tóc...với những nét ấn tượng khác.
  - Tính cách.
  - Kỷ niệm của em gắn với thầy cô giáo đó: sự quan tâm chăm sóc của thầy cô giáo đó với em như thế nào trong học tập cũng như trong cuộc sống. (chú ý kể về kỉ niệm ấn tượng nhất).
- + Kết bài: Cảm nghĩ của em về thầy cô giáo mà em vừa kể.

## **Đề 3: Kể về một việc tốt mà em đã làm**

- + Mở bài: Tuần trước em đã làm việc tốt và đã đem lại cho em niềm vui
- + Thân bài:
  - Trên đường đi học với bạn, em và bạn đang vui vẻ chuyện trò
  - Thấy ông già mù nhờ mọi người đưa qua đường
  - Em dắt ông sang bên kia đường
  - Ông cảm ơn em, và khen em ngoan ngoãn, biết giúp đỡ người khác
- + Kết bài: Nhớ người mù ấy
  - Vui vì bản thân em đã làm được việc tốt

## **Đề 4: Kể về một người bạn tốt mà em yêu mến.**

- + Mở bài: Tên của bạn, mối quan hệ với em ( bạn học, bạn hàng xóm)
  - Nêu lí do khiến em yêu mến bạn
- + Thân bài: kể về những nội dung sau:
  - Ngoại hình của bạn:
    - Những phẩm chất của bạn: Chăm chỉ
    - Học giỏi
    - Tận tình giúp đỡ bạn bè: giúp bạn trong học tập
    - Chịu khó học hỏi, thích tìm hiểu, quan sát
    - Tự giác giúp đỡ bố mẹ: nấu cơm, trông em...
- + Kết bài: Bạn là tấm gương tốt cho em học tập
  - Bạn được mọi người yêu mến, tin cậy

**ĐỀ 5: Hãy kể về một người thân của em ( cha, mẹ, anh, chị, ông, bà)?**

- + Mở bài: Trong gia đình em có rất nhiều người em yêu mến nhưng người em yêu quý nhất là....
- + Thân bài: Lần lượt kể về người thân về:
  - Hình dáng bên ngoài: mái tóc, khuôn mặt, điệu cười, nước da, lời nói...
  - Tình tình: Hiền lành, điềm đạm...
  - Kỉ niệm đáng nhớ nhất của em với người thân đó là gì? Điều gì khiến em ấn tượng nhất.
- + Kết bài: Nêu cảm nghĩ chung của em về người thân mà em kể.

**IV. ĐỀ THAM KHẢO.**

**I. ĐỌC – HIỂU (4 điểm)**

Cho đoạn văn:

*“Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần nước đành rút quân.*

*Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần nước đánh mỗi mết, chán chê vẫn không thắng nổi Thần núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.”*

*(Trích Ngữ văn 6 – tập 1 – NXB Giáo dục Việt Nam)*

Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi sau:

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Thuộc thể loại gì?
2. - Các từ: mưa, gió, bão, lũ, lụt là những từ thuộc từ loại nào?
  - Tìm ba động từ trong đoạn văn trên?
3. Dựa vào nội dung của đoạn văn trên, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng - 5 câu) kể về những việc làm của gia đình và địa phương về cách phòng chống và giảm nhẹ thiên tai lũ lụt

**II. LÀM VĂN (6 điểm)**

Em hãy kể một câu chuyện đã học (truyền thuyết, cổ tích) bằng lời văn của em.